Tương tự như danh động từ sau động từ to be và nhiều động từ khác (want, decide, need, plan, start, tend, hope, intend….) có thể theo sau là cụm "to + Vo" như một tân ngữ.

Ex:

- His dream is **to become** a competent doctor in the near future.
(Ước mơ của anh ấy là trở thành một bác sĩ giỏi trong tương lai gần)
- I decided **to switch** to another university when I was 19 years old.
(Tôi quyết định chuyển sang một trường đại học khác khi tôi 19 tuổi)

Bài tập

1) Trách nhiệm của tôi ở nơi làm việc là quản lý nhân viên và hỗ trợ khách hàng.

- responsibility (c/u) trách nhiệm
- manage (t) quản lý
- support (t) hỗ trợ
- customer (c) khách hàng

_____
_____

2) Kế hoạch của tôi là hoàn thành khóa giao tiếp trước và sau đó đăng ký vào các lớp nâng cao.

- plan (c) kế hoạch
- register for = enrol in: đăng ký vào
- communication course (c) khóa giao tiếp
- advanced (adj) nâng cao

_____
_____

3) Tôi bắt đầu để ý đến sức khỏe của mình sau khi một sự cố xảy ra với gia đình tôi.

- start to do sth: bắt đầu làm gì đó
- pay attention to = take notice of: chú ý đến
- incident (c) sự cố

_____
_____

4) Ngày nay nhiều cặp vợ chồng có khuynh hướng sinh ít con hơn.

LIVEWORKSHEETS

- married couple (c) cặp vợ chồng
- give birth to: sinh
- tend to do sth: có khuynh hướng làm gì đó

_____
_____

LIVEWORKSHEETS